TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2025
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Bà Lê Thu Hiền*
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Lê Thị Ngọc
2/ Bà Trần Thanh Trúc

Thư ký phiên tòa: *Ông Đỗ Hoàng Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh: *Không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 610/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết H – Sinh năm: 1976*

Địa chỉ: 389 Đào Sư Tích tổ 6, ấp 4, xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt)*.

- *Bị đơn: Ông Lê Văn C – Sinh năm: 1973*

Địa chỉ: 389 Đào Sư Tích tổ 6, ấp 4, xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết H trình bày:

Bà và ông Lê Văn C tự nguyện kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/KH, quyển số 01/94 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/12/1994.

Theo bà H, vợ chồng ông bà đã hạnh phúc trong thời gian dài. Tuy nhiên trong quá trình chung sống của vài năm gần đây, hai vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn, không hạnh phúc do không có tiếng nói chung về quan điểm và cách sống. Từ đó hai bên cũng không còn yêu thương và chăm sóc lẫn nhau, thậm chí có lần ông C đã dùng lời lẽ xúc phạm và và đánh đập bà. Từ đầu năm 2024 đến nay bà H và ông C đã sống ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 03 con chung là Lê Minh Chiến – sinh ngày 15/3/1996, Lê Thanh Huyền – sinh ngày 19/6/1998, và Lê Minh Thắng – sinh ngày 30/7/2000. Hiện nay các con đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Lê Văn C hoàn toàn không có mặt để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Trần Thị Tuyết H yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn C. Do ông C đang cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham dự phiên tòa nhưng ông Cường vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Cường hôm nay.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào sự các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ cơ sở khẳng định yêu cầu được ly hôn của bà H là có cơ sở, bởi lẽ cả hai đã có quá trình sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù ông Cường đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông hoàn toàn vắng mặt không lý do, không tham gia vào việc hòa giải tình trạng quan hệ vợ chồng với bà H cũng như không đưa ra ý kiến hay cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh. Điều đó chứng tỏ ông không còn quan tâm đến việc xây dựng, khôi phục hạnh phúc vợ chồng với bà H, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Tuyết H đối với ông Lê Văn C.

[2.2] Về vấn đề con chung, ông bà có 03 con chung là Lê Thanh Huyên – sinh ngày 19/6/1998, Lê Minh Chiến – sinh ngày 15/3/1996 và Lê Minh Thắng – sinh ngày 30/7/2000 đều đã trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết Nếu sau này ông C có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đ bà H có nghĩa vụ phải nộp, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đ theo biên lai số 0018433 ngày 28/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 1,3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị Tuyết H được ly hôn với ông Lê Văn C.

- Về con chung: có 03 con chung là Lê Thanh Huyên – sinh ngày 19/6/1998, Lê Minh Chiến – sinh ngày 15/3/1996 và Lê Minh Thắng – sinh ngày 30/7/2000 đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này ông Lê Văn C có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đ *(ba trăm ngàn đồng)* bà Trần Thị Tuyết H có nghĩa vụ phải nộp, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 0018433 ngày 28/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà Trần Thị Tuyết H đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**